TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/DS-PT
Ngày 17-3-2026
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà***: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2026/QĐ-PT ngày 26/02/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Xuân T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số D L, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Trịnh Xuân S, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số D L, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số D L, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Xuân S.

Tại phiên toà có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Xuân T trình bày:

Bà và bà Trịnh Xuân S là chị em ruột. Ngày 12/6/2023, bà cho bà S vay 250.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mục đích vay để bà S cho người khác vay lại lấy lãi 5%/tháng, khi vay tiền các bên không làm giấy vay tiền vì tin tưởng chị em ruột trong gia đình.

Tuy nhiên sau đó bà S không trả lãi cho bà T như đã hứa mà nói khó khăn, bị người ta giật nợ, do biết không thể nhận tiền lãi từ bà S nên bà đã đòi lại tiền gốc và bà S hứa trả cho bà thông qua chuyển khoản từ tài khoản Trịnh Xuân S là 19030598226013 tại Ngân hàng T1 chuyển qua tài khoản Trịnh Thị Xuân T là 101878723726 tại Ngân hàng TMCP C. Bà S đã trả tiền gốc, cụ thể:

Ngày 28/7/2023 chuyển 03 lần với số tiền là 13.250.000 đồng, 28.000.000 đồng và 7.000.000 đồng,

Ngày 24/9/2023 chuyển thêm 77.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc chuyển trả nợ là 125.250.000 đồng, nên còn nợ lại 124.750.000 đồng. Hiện nay bà còn nợ bà S 05 tháng tiền huê với số tiền 24.750.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc, nên bà yêu cầu bà S trả nợ cho bà số tiền gốc còn nợ 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm, kể từ ngày 24/9/2023 cho đến ngày 24/8/2025 là 23 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Xuân S trình bày:

Bà và bà Trịnh Thị Xuân T là chị em ruột với nhau. Vào tháng 6/2023, bà vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mục đích vay tiền để cho người khác vay lại lấy lãi 5%/tháng. Bà đã trả tiền lãi và tiền gốc cho bà T đầy đủ cho tới ngày 21/8/2023 (Âm Lịch) được 256.250.000 đồng thì không trả nữa, việc vay và trả tiền không làm giấy tờ chứng minh vì tin tưởng tình cảm chị em trong gia đình. Các khoản bà trả cho bà T qua chuyển khoản, có bảng sao kê ngân hàng kèm theo. Do vậy, bà không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh P trình bày:

Ông là chồng của bà Trịnh Thị Xuân T còn bà T và bà S là chị em ruột. Do bà S là người cho vay tiền góp nên hỏi vay bà T số tiền 250.000.000 đồng, để dùng số tiền này cho người khác vay lại lấy lãi và hàng tháng trả tiền lãi cho bà T 4%, do thấy lợi nhuận cao nên bà T đã cho bà S vay 250.000.000 vào tháng 6/2023 sau đó thì có nói lại cho ông biết.

Việc vay và trả tiền ông không biết, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà S trả nợ số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất chậm trả 10%/năm, kể từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Tòa án buộc bà S trả nợ trực tiếp cho bà T số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Điều 119, 357, 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sựNghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Xuân T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Trịnh Xuân S phải trả cho bà Trịnh Thị Xuân T số tiền 119.166.000 đồng, trong đó gồm có 100.000.000 đồng tiền gốc và 19.166.000 đồng đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2025, bị đơn bà Trịnh Xuân S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn là người kháng cáo trình bày: Bà đã trả đầy đủ tiền cho bà T qua chuyển khoản ngân hàng, có bản sao kê kèm theo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Nguyên đơn trình bày: Trong các khoản tiền bà bà S liệt kê có nhiều khoản không liên quan đến khoản vay 250.000.000đ. Tin nhắn trên zalo bà S đã thừa nhận còn nợ 130.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: thống nhất với ý kiến của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Xuân S là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 156/2025/DS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khoản vay số tiền gốc 250.000.000 đồng ngày 12/6/2023:

Nguyên đơn bà T và bị đơn bà S đều thừa nhận do là chị em ruột, tin tưởng nhau nên ngày 12/6/2023, bà T có cho bà S vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng nhưng không làm giấy vay tiền, mục đích vay là để bà S dùng số tiền trên cho người khác vay lại với lãi suất 5%/tháng. Do đó, có việc bà S vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về số tiền gốc và lãi đã thanh toán:

Bà S cho rằng sau khi vay số tiền 250.000.000 đồng thì bà đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản. Đối chiếu bản sao kê ngân hàng thể hiện bà S đã chuyển khoản cho bà T cụ thể là:

Ngày 23/6/2023 chuyển 500.000 đồng.

Ngày 24/6/2023 chuyển 500.000 đồng.

Ngày 28/6/2023 chuyển 50.000.000 đồng.

Ngày 11/7/2023 chuyển 1.000.000 đồng.

Ngày 18/7/2023 chuyển 9.000.000 đồng.

Ngày 24/7/2023 chuyển 20.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2023 chuyển 1.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2023 chuyển 03 lần với tổng số tiền 48.250.000 đồng.

Ngày 10/9/2023 chuyển 45.000.000 đồng.

Ngày 24/9/2023 chuyển 77.000.000 đồng.

Tổng các lần chuyển tiền trên là 252.250.000 đồng.

Bà T thừa nhận bà S đã chuyển khoản trả số nợ 250.000.000đ gồm: Ngày 18/7/2023 chuyển 9.000.000 đồng (lãi), ngày 28/7/2023 chuyển 03 lần với tổng số tiền 48.250.000 đồng, ngày 24/9/2023 chuyển 77.000.000 đồng. Tổng cộng là 134.000.250 đ, trong đó tiền lãi đã trả 9.000.000đ. tiền gốc đã trả 125.250.000đ. Các khoản tiền 500.000đ, 1.000.000đ là tiền bà S mượn đi ăn sáng, uống cà phê, khoản 20.000.000 đ và 50.000.000đ là tiền bà S mượn trong ngày (mượn bằng tiền mặt và trả bằng chuyển khoản), khoản 45.000.000đ là tiền bà T hốt huê, bà S là chủ huê nên trả huê bằng chuyển khoản. Các khoản tiền nêu trên không liên quan đến khoản vay 250.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại buổi đối chất ngày 28/11/2024, bị đơn trình bày số tiền chuyển khoản ngày 10/9/2023 số tiền 45.000.000 đồng là khoản tiền huê hụi giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến số tiền vay 250.000.000 đồng. Các lần bị đơn chuyển khoản trên không ghi nội dung cụ thể, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi của số tiền 250.000.000 đồng. Ngoài ra, qua các tài liệu chứng cứ bảng chụp tin nhắn zalo của nguyên đơn và bị đơn cung cấp thể hiện ngày 28/7/2023 sau khi bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn thì bị đơn nhắn cho nguyên đơn "Chị còn 200 nha", ngày 24/9/2023

sau khi bị đơn chuyển trả số tiền 77.000.000 đồng cho nguyên đơn thì nhắn cho nguyên đơn "con no 130 trieu". Sau đó, ngày 26/9/2023 bị đơn nhắn "*tien 130 tao ma tra cho may tao lam con cho*" và các bên xảy ra tranh chấp, không chuyển thêm bất kỳ khoản tiền nào. Bản chụp màn hình tin nhắn zalo giữa bà T và bà S có nội dung chốt nợ và nội dung này hoàn toàn phù hợp vời thời điểm bà S chuyển khoản cho bà T theo bản sao kê tài khoản ngân hàng. Do vậy, lời trình bày của bà T là có căn cứ chấp nhận. Có căn cứ xác định bị đơn đã trả được một phần số tiền vay gốc là 125.250.000 đồng cho nguyên đơn. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị khấu trừ số tiền huê hụi 24.750.000 đồng nguyên đơn còn nợ bị đơn vào số tiền gốc còn lại nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 100.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về số tiền lãi: việc vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không có kỳ hạn nhưng có lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 24/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm tính tròn 23 tháng là 19.166.000 đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận là đúng quy định.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng quy định. Nên kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Xuân S không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Xuân S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 156/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Xuân T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Trịnh Xuân S phải trả cho bà Trịnh Thị Xuân T số tiền 119.166.000 đồng, trong đó gồm có 100.000.000 đồng tiền gốc và 19.166.000 đồng đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Trịnh Xuân S phải chịu 5.958.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Xuân T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.634.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001929 ngày 26/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Trịnh Xuân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004668 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/3/2026).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKS khu vực 10 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 10 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Quản